TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2025.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Tha
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2025 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/7/2025 giữa:

** Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim A, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn V, xã Đ, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn V, xã Đ, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn trình bày*:** Bà và ông Nguyễn Thanh B đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã Q, thị xã N (cũ, nay là UBND xã Đ), tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên từ tháng 6/2024, ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B mải chơi, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên kình cãi. Mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu ông B thay đổi để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng không được. Ông bà đã không còn sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có hai con chung là các cháu Nguyễn Hoàng C1, sinh ngày 31/5/2013 và Nguyễn Hoàng C2, sinh ngày 05/11/2016. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục hai cháu và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.***

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A cho bà A được ly hôn với ông B.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Hoàng C1, sinh ngày 31/5/2013 và Nguyễn Hoàng C2, sinh ngày 05/11/2016 cho bà Bùi Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông B không cấp dưỡng nuôi con do bà A không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Bà A phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về về ly hôn, con chung vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn V, xã Đ, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim A và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Q, thị xã N (cũ, nay là UBND xã Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2013, quyển số 04/2012 ngày 04/01/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của bà A thể hiện trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do ông B có tính ăn chơi, không chịu tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình vì thế ông bà không còn sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Mặc dù bà A đã nhiều lần nói chuyện, đề nghị ông B thay đổi để

hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vì thế bà A yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông B**.** Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông B tuy nhiên không nhận được bất kỳ ý kiến gì của ông, điều này chứng tỏ ông B không quan tâm, không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà A, vì thế có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hôn nhân giữa bà Bùi Thị Kim A và ông Nguyễn Thanh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Bà Bùi Thị Kim A và ông Nguyễn Thanh B có hai con chung là các cháu Nguyễn Hoàng C1, sinh ngày 31/5/2013 và Nguyễn Hoàng C2, sinh ngày 05/11/2016. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu C1 C2 còn nhỏ, hiện nay hai cháu đang ở với mẹ và yêu cầu này của bà A cũng phù hợp với nguyện vọng của các C1 C2 nên có căn cứ chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim A.

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim A được ly hôn ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hoàng C1, sinh ngày 31/5/2013 và Nguyễn Hoàng C2, sinh ngày 05/11/2016 cho bà Bùi Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Bùi Thị Kim A không yêu cầu.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Kim A không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Kim A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002507 ngày 11/3/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Khánh Hòa. Bà Bùi Thị Kim A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
- UBND xã Đ (GCNKH số 02/2013, quyển số 04/2012, ngày 04/01/2013 của UBND xã Q, thị xã N (cũ));
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh Huyền